

Bản án số: 02/2021/HN&GD - ST
Ngày: 26/01/2021
Về việc tranh chấp:
“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 340/2020/TLST – HN&GD ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX - ST ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chi Bùi Thị T, sinh năm 1993

ĐHKHTT: Xóm Chăng, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế A , sinh năm 1991

ĐKHKT: Xóm Chăng, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt chi Thu, anh Anh có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/11/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Thu trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thế A kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thuận trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, chị về nhà anh A làm dâu, chung sống cùng gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do khi anh A đi làm ăn tại Trung Quốc và phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị có hỏi và anh cũng thừa nhận việc ngoại tình nên tình cảm vợ chồng từ đó đã bị sút mẻ và ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện anh A đã công khai chung sống với người phụ nữ khác, vợ chồng cũng

không còn qua lại với nhau hơn 3 năm nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A .

Về con chung: quá trình chung sống anh chị có một con chung là Nguyễn Đức Tài, sinh ngày 05/8/2011. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con vì từ nhỏ con đã ở cùng với chị. Yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Thế A trình bày: Anh và chị T kết hôn năm 2011, có tình hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thuận. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn về kinh tế tình cảm, cả hai không có sự hòa hợp nên thường xuyên cãi vã. Năm 2017, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, anh đã vào TP Hồ Chí Minh làm công nhân từ đó cho đến nay, chỉ thỉnh thoảng về thăm gia đình. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Đến nay, vợ chồng anh đã ly thân được 03 năm, do đó chị T có đơn xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn. Do tính chất công việc hiện tại ở TP Hồ Chí Minh nên anh không thể tham gia vào quá trình hoà giải tại Toà án cũng như tham gia phiên tòa được, anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt theo quy định.

Về con chung: quá trình chung sống anh chị có một con chung là Nguyễn Đức Tài, sinh ngày 05/8/2011, như chị T trình bày là đúng. Nay chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con, anh nhất trí. Anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cùng chị T cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Chị Bùi Thị T khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Thế Anh có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm Chăng, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Thế A vắng mặt tuy nhiên đã có đề nghị xin được giải

quyết vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, xét xử vắng mặt bị đơn anh Thế Anh.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, do vậy VKS không tham gia phiên tòa.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Thế A tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên), được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị cùng chung sống với gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh anh Thế A đi làm xa, vợ chồng không có sự gặp gỡ, chia sẻ, quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt, không có hạnh phúc. Bản thân chị Thu và anh A đều không có nguyện vọng muốn đoàn tụ vợ chồng. Chị T xin ly hôn, anh Thế A đồng ý, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã không còn, việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh Thế A là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Thu và anh Thế Anh có một con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 05/8/2011. Hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, anh Thế Anh nhất trí giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên do vậy HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh chị về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Giao con chung cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 05/8/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, sau khi nghe công bố bản tự khai anh Thế A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ/tháng nên chị đồng ý. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của chị T với anh A về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[5]Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị T, anh Thế A xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị T chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Thế A phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, 118, Điều 131, Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Thế A .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế A .

2. Về con chung: Giao con chung: cháu Nguyễn Đức Tài, sinh ngày 05/8/2011, cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện việc anh Nguyễn Thế A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1000.000đ (một triệu đồng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình hoặc đến khi chị Thu, anh A có yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng.

** Về lãi suất chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

3. Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí:Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0005036 ngày 30/11/2020. Anh Nguyễn Thế A phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T , báo cho biết chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Thế Anh vắng mặt ại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án niêm yết kết công khai, hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Phúc Thuận (nơi ĐKKH)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

